

BỘ Y TẾ  
BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

Số. 5227 VD-KD

V/v yêu cầu báo giá hóa chất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung cấp hóa chất năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Khoa Dược, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, số điện thoại 024.38.253.531/số máy lẻ 5106 (hoặc liên hệ DS. Nguyễn Kim Liên (SĐT 0974857209).

**3. Bệnh viện tiếp nhận báo giá đồng thời theo 2 hình thức:**

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng 307, Tầng 3, nhà A3 - Khoa Dược, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức - Số 40 Tràng Thi, Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Nhận qua email: vietduchospitalmuasam@gmail.com (đơn vị cung cấp báo giá phải ghi rõ số hiệu văn bản Yêu cầu báo giá trong nội dung email).

(Lưu ý: Các đơn vị phải gửi báo giá đồng thời theo 2 hình thức nêu trên)

- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 16h ngày 06 tháng 8 năm 2026 đến trước 16h ngày 16 tháng 8 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 06 tháng 8 năm 2026.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

- Danh mục mặt hàng yêu cầu báo giá:

| Stt    |     | Tên hóa chất, vật tư                                                        | Yêu cầu kỹ thuật                                      | ĐVT  | Số lượng |
|--------|-----|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------|----------|
| Phần 1 |     | Hóa chất, vật tư tiêu hao tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2 |                                                       |      |          |
| 1      | 1.1 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin I tim                              | Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin I tim, tương | test | 6.000    |

|   |     |                                                             |                                                                                                                |      |         |
|---|-----|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|---------|
|   |     |                                                             | thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2                                                                    |      |         |
| 2 | 1.2 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin                    | Thuốc thử xét nghiệm định lượng ferritin, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2                    | test | 200     |
| 3 | 1.3 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4 tự do                    | Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4 tự do, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2                    | test | 3.400   |
| 4 | 1.4 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng $\beta$ hCG toàn phần       | Thuốc thử xét nghiệm định lượng $\beta$ hCG toàn phần, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2       | test | 600     |
| 5 | 1.5 | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng $\beta$ hCG toàn phần | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng $\beta$ hCG toàn phần, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2 | ml   | 24      |
| 6 | 1.6 | Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH                         | Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2                         | test | 3.400   |
| 7 | 1.7 | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH                   | Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2                   | ml   | 15      |
| 8 | 1.8 | IVD là giếng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch     | IVD là giếng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2     | cái  | 78.400  |
| 9 | 1.9 | IVD đệm dùng cho xét nghiệm miễn dịch                       | IVD đệm dùng cho xét nghiệm miễn dịch, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2                       | ml   | 546.000 |



|    |      |                                                                                  |                                                                                                                                     |    |    |
|----|------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|
| 10 | 1.10 | Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 9 dấu ấn tim mạch                       | Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 9 dấu ấn tim mạch, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2                       | ml | 18 |
| 11 | 1.11 | Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 56 thông số miễn dịch và sinh hóa | Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 56 thông số miễn dịch và sinh hóa, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2 | ml | 30 |
| 12 | 1.12 | Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 56 thông số miễn dịch và sinh hóa | Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 56 thông số miễn dịch và sinh hóa, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2 | ml | 30 |
| 13 | 1.13 | Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng 56 thông số miễn dịch và sinh hóa | Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng 56 thông số miễn dịch và sinh hóa, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2 | ml | 30 |
| 14 | 1.14 | Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 71 thông số miễn dịch             | Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 71 thông số miễn dịch, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2             | ml | 25 |
| 15 | 1.15 | Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 71 thông số miễn dịch             | Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 71 thông số miễn dịch, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2             | ml | 25 |
| 16 | 1.16 | Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng 71 thông số miễn dịch             | Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng 71 thông số miễn dịch, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2             | ml | 25 |

|               |      |                                                                      |                                                                                                                         |        |     |
|---------------|------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-----|
| 17            | 1.17 | Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 74 thông số miễn dịch | Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng 74 thông số miễn dịch, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2 | ml     | 25  |
| 18            | 1.18 | Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 74 thông số miễn dịch | Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng 74 thông số miễn dịch, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2 | ml     | 25  |
| 19            | 1.19 | Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng 74 thông số miễn dịch | Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng 74 thông số miễn dịch, tương thích với máy xét nghiệm miễn dịch Access 2 | ml     | 25  |
| <b>Phần 2</b> |      | <b>Chai cấy máu hiệu khí người lớn cho máy cấy máu BC120 Autobio</b> |                                                                                                                         |        |     |
| 20            | 2.1  | Chai cấy máu hiệu khí người lớn                                      | Chai cấy máu hiệu khí người lớn, tương thích với máy cấy máu BC120 Autobio                                              | chai   | 600 |
| <b>Phần 3</b> |      | <b>Azithromycin 15 mcg</b>                                           |                                                                                                                         |        |     |
| 21            | 3.1  | Azithromycin 15 mcg                                                  | khoanh giấy chứa Azithromycin nồng độ 15 mcg                                                                            | khoanh | 500 |
| <b>Phần 4</b> |      | <b>Imipenem 10 mcg</b>                                               |                                                                                                                         |        |     |
| 22            | 4.1  | Imipenem 10 mcg                                                      | khoanh giấy chứa Imipenem nồng độ 10 mcg                                                                                | khoanh | 500 |
| <b>Phần 5</b> |      | <b>Ampicillin/Sulbactam 10/10 mcg</b>                                |                                                                                                                         |        |     |
| 23            | 5.1  | Ampicillin/Sulbactam 10/10 mcg                                       | khoanh giấy chứa Ampicillin/Sulbactam nồng độ 10/10 mcg                                                                 | khoanh | 500 |
| <b>Phần 6</b> |      | <b>Moxifloxacin 5 mcg</b>                                            |                                                                                                                         |        |     |
| 24            | 6.1  | Moxifloxacin 5 mcg                                                   | khoanh giấy chứa Moxifloxacin nồng độ 5 mcg                                                                             | khoanh | 500 |
| <b>Phần 7</b> |      | <b>Ofloxacin 5 mcg</b>                                               |                                                                                                                         |        |     |



|                                 |      |                                                                                       |                                                                                  |        |     |
|---------------------------------|------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------|-----|
| 25                              | 7.1  | Ofloxacin 5 mcg                                                                       | khoanh giấy chứa Ofloxacin<br>nồng độ 5 mcg                                      | khoanh | 250 |
| <b>Phần 8</b>                   |      | <b>Khoanh giấy yếu tố X</b>                                                           |                                                                                  |        |     |
| 26                              | 8.1  | Khoanh giấy yếu tố<br>X                                                               | Khoanh giấy yếu tố X                                                             | khoanh | 400 |
| <b>Phần 9</b>                   |      | <b>Khoanh giấy yếu tố X+V</b>                                                         |                                                                                  |        |     |
| 27                              | 9.1  | Khoanh giấy yếu tố<br>X+V                                                             | Khoanh giấy yếu tố X+V                                                           | khoanh | 400 |
| <b>Phần 10</b>                  |      | <b>Khoanh giấy yếu tố V</b>                                                           |                                                                                  |        |     |
| 28                              | 10.1 | Khoanh giấy yếu tố<br>V                                                               | Khoanh giấy yếu tố V                                                             | khoanh | 400 |
| <b>Phần 11</b>                  |      | <b>Piperacillin/Tazobactam</b>                                                        |                                                                                  |        |     |
| 29                              | 11.1 | Piperacillin/Tazobac<br>tam                                                           | khoanh giấy chứa<br>Piperacillin/Tazobactam                                      | khoanh | 500 |
| <b>Phần 12</b>                  |      | <b>Rifampicin 5mcg</b>                                                                |                                                                                  |        |     |
| 30                              | 12.1 | Rifampicin 5mcg                                                                       | khoanh giấy chứa Rifampicin<br>nồng độ 5mcg                                      | khoanh | 500 |
| <b>Phần 13</b>                  |      | <b>Cefepime 30mcg</b>                                                                 |                                                                                  |        |     |
| 31                              | 13.1 | Cefepime 30mcg                                                                        | khoanh giấy chứa Cefepime<br>30mcg                                               | khoanh | 500 |
| <b>Phần 14</b>                  |      | <b>Thanh MIC Ceftriaxone</b>                                                          |                                                                                  |        |     |
| 32                              | 14.1 | Thanh MIC<br>Ceftriaxone                                                              | Thanh MIC Ceftriaxone                                                            | thanh  | 90  |
| <b>Phần 15</b>                  |      | <b>Môi trường kiểm tra sự nhạy cảm với kháng sinh đối với<br/>Haemophilus species</b> |                                                                                  |        |     |
| 33                              | 15.1 | Môi trường kiểm tra<br>sự nhạy cảm với<br>kháng sinh đối với<br>Haemophilus species   | Môi trường kiểm tra sự nhạy<br>cảm với kháng sinh đối với<br>Haemophilus species | đĩa    | 400 |
| <b>Tổng: 33 khoản (15 phần)</b> |      |                                                                                       |                                                                                  |        |     |

2. Địa điểm cung cấp: tại Kho hóa chất, Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức (cơ sở Ngọc Hồi)

3. Thời gian giao hàng dự kiến: giao hàng thành nhiều đợt trong vòng 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng

- Phương thức thanh toán: Qua ủy nhiệm chi của kho bạc Nhà nước, 90 ngày kể từ ngày bên bán cung cấp đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ (Hóa đơn, các chứng từ khác theo quy định hiện hành của kho bạc nhà nước).

5. Các thông tin khác:

○ Đăng ký kinh doanh; Tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế căn cứ theo Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 và Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP và Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.

○ Số điện thoại/ Email của đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp Bệnh viện cần liên lạc.

○ Bảng chào giá (theo mẫu đính kèm tại phụ lục 01 của công văn này);

○ Niêm yết giá (nếu có);

○ Catalog, hợp đồng tương tự (nếu có), cấu hình và tính năng kỹ thuật của vật tư và các tài liệu khác liên quan;

○ Lưu ý: Yêu cầu quý công ty cung cấp thông tin đơn giá của các mặt hàng trong nội dung báo giá của mình trong trường hợp bệnh viện cần thay đổi số lượng cần mua sắm.

Rất mong nhận được sự tham gia của các đơn vị cung cấp thiết bị y tế. *HL*

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: VT, KD. *nen*

**GIÁM ĐỐC**



**Dương Đức Hùng**

## MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số: 527/VĐ-KD ngày 06 tháng 8 năm 2016)

Hà Nội, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm 20...

### BÁO GIÁ(1)

Kính gửi: Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức

Trên cơ sở yêu cầu báo giá theo Công văn số..... ngày ...../.../20... của Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

#### 1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

| STT | Danh mục thiết bị y tế(2) | Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất(3) | Mã HS(4) | Năm sản xuất(5) | Xuất xứ(6) | Số lượng/khối lượng(7) | Đơn vị tính | Đơn giá (VNĐ) (Chưa bao gồm VAT) | Thuế VAT (%) | Đơn giá (VNĐ) (Đã bao gồm VAT) | Thành tiền(11) (VNĐ) (Đã bao gồm VAT) |
|-----|---------------------------|--------------------------------------------|----------|-----------------|------------|------------------------|-------------|----------------------------------|--------------|--------------------------------|---------------------------------------|
| 1   | Thiết bị A                |                                            |          |                 |            |                        |             |                                  |              |                                |                                       |
| 2   | Thiết bị B                |                                            |          |                 |            |                        |             |                                  |              |                                |                                       |
| n   | ...                       |                                            |          |                 |            |                        |             |                                  |              |                                |                                       |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày...tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

#### 3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.
- Có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm sẵn sàng tham dự thầu và cung cấp hàng hóa theo yêu cầu của bệnh viện.

....., ngày..... tháng.....năm.....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp(12)**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

#### Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.



(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và các dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VNĐ). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có).

Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, thành viên không có tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất phân công một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.